|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1432/QĐ-UBND | *Thanh Hoá, ngày 27 tháng 4 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

**khoa học và công nghệ mới cấp tỉnh đợt II, năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Công văn số 3743/BKHCN-KHTC ngày 20/12/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa, năm 2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tại Tờ trình số 399/TTr-SKHCN-STC ngày 29/3/2022; của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 517/SKHCN-QLCS ngày 19/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) mới cấp tỉnh đợt II năm 2022, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1**. **Danh mục và dự toán chi tiết nhiệm vụ KH&CN.**

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 01 nhiệm vụ *(có Danh mục chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

1.2. Kinh phí thực hiện: 6.909,432 triệu đồng*,* trong đó:

- Nguồn sự nghiệp KH&CN (phần ngân sách nhà nước): 1.296,049 triệu đồng;

- Nguồn khác và nguồn tự có: 5.512,383triệu đồng.

*(Có dự toán chi tiết tại Phụ lục: I.1 kèm theo).*

**2.Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ**

2.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp kinh phí: 01 nhiệm vụ*.*

2.2. Tổng kinh phí cấp: 518,0 triệu đồng (*Năm trăm mười tám triệu đồng)*

2.3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, hướng dẫn đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí cho đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

3. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình; việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Lê Đức Giang** |

**Phụ lục I**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI CẤP TỈNH ĐỢT II, NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1432 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ KHCN** | **Đơn vị chủ trì** | **Mục tiêu, nội dung chính** | | **Dự kiến kết quả đạt đ­­­ược. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu của sản phẩm tạo ra** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Kinh phí** (Triệu đồng) | | **Ghi chú** |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Tổng số** | **SNKH** |
| 1. | Dự án : Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà nhiều cựa đạt tiêu chuẩn VIETGAHP theo chuỗi giá trị kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn tại Thanh Hóa. | Công ty TNHH Hân Mạnh | - Tiếp nhận, chuyển giao 04 quy trình công nghệ về sản xuất giống và chăn nuôi gà nhiều cựa thương phẩm: Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng gà nhiều cựa sinh sản; Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng gà nhiều cựa thương phẩm; Quy trình thú y phòng bệnh trong chăn nuôi gà nhiều cựa sinh sản; Quy trình thú y phòng bệnh trong chăn nuôi gà nhiều cựa thương phẩm.  - Xây dựng được 01 mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa sinh sản, quy mô 600 con (500 mái, 100 trống); năng suất trứng 75-80 quả/mái/năm; tỉ lệ trứng có phôi 94-96%; tỉ lệ nở/trứng ấp 84-86%; sản xuất được 22.000 gà giống/năm. Mô hình đạt tiêu chuẩn VIETGAHP.  - Xây dựng được 01 mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa thương phẩm, quy mô 5000 con/năm; sản xuất được 06 tấn gà thương phẩm đạt chất lượng/năm. Mô hình đạt tiêu chuẩn VIETGAHP.  - Đào tạo được 10 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho 100 lượt người dân.  - Xây dựng được bản hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà nhiều cựa sinh sản và bản hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà nhiều cựa thương phẩm phù hợp với điều kiện Thanh Hóa. | - Chuyển giao, tiếp nhận các quy trình công nghệ chăn nuôi gà nhiều cựa sinh sản và thương phẩm  - Xây dựng mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa sinh sản (500 mái, 100 trống) theo quy trình VietGAHP - Xây dựng mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa thương phẩm (01 mô hình, 5000 con/năm) theo quy trình VietGAHP  - Đánh giá chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả các mô hình  - Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương  - Tổ chức tập huấn, chuyển giao công nghệ chăn nuôi cho người dân  - Tổ chức 02 hội thảo  - Xây dựng phương án nhân rộng mô hình (được UBND huyện Yên Định xác nhận). | - Mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa sinh sản đạt tiêu chuẩn VIETGAHP, quy mô 600 con (500 mái, 100 trống); Năng suất trứng 75-80 quả/mái/năm; tỉ lệ trứng có phôi 94-96%; tỉ lệ nở/trứng ấp 84-86%; sản xuất được 22.000 gà giống/năm; tổng sản lượng 22.000 con/năm x 1,5 năm = 33.000 con/dự án.  - Mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa thương phẩm đạt tiêu chuẩn VIETGAHP, quy mô 5.000 con/năm:  +Gà thương phẩm: 5.000 con/ năm x 2 năm = 10.000 con/dự án (khối lượng 1,4kg - 1,6kg/con gà mái; 1,5 kg  - 1,7 kg/con gà trống);  + Sản lượng gà thịt đạt 6 tấn/năm; tổng sản lượng đạt 12 tấn/dự án.  - Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa sinh sản và gà nhiều cựa thương phẩm.  - 04 bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương:  - Tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm Gà nhiều cựa.  - Phương án nhân rộng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn được UBND huyện Yên Định xác nhận.  - 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận đào tạo và 100 người dân được tập huấn kỹ thuật.  - File điện tử ghi lại quá trình thực hiện dự án  - Báo cáo tổng kết dự án. | 24 tháng | 6.808,432 | 1.296,049 | Dự toán chi tiết tại phụ lục I.1 kèm theo |
|  | **Tổng cộng** | | | | | | **6.808,432** | **1.296,049** |  |

**Phụ lục I.1**

**Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà nhiều cựa đạt tiêu chuẩn VIETGAHP theo chuỗi giá trị kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn tại Thanh Hóa”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1432 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Tổng**  (triệu đồng) | **Trong đó** (triệu đồng) | | |
| **Nguồn SNKH** | | **Nguồn tự có, khác** |
| **Tổng** | **Trong đó khoán chi** |
|  | Khoản 1. Nguyên vật liệu | 2.350,010 | 535,263 | 0 | 1.814,747 |
|  | Khoản 2. Năng lượng (điện, xăng dầu…) | 336,000 | 0 | 0 | 336,000 |
|  | Khoản 3. Thiết bị, máy móc mua mới | 180,000 | 0 | 0 | 180,000 |
|  | Khoản 4. Hỗ trợ công nghệ | 268,685 | 214,235 | 214,235 | 54,450 |
|  | Khoản 5. Đầu tư cơ sở hạ tầng | 2.350,000 | 0 | 0 | 2.350,000 |
|  | Khoản 6. Chi phí lao động | 1.057,857 | 325,671 | 325,671 | 732,186 |
|  | Khoản 7. Chi khác | 265,880 | 220,880 | 220,880 | 45,000 |
|  | **Tổng** | **6.808,432** | **1.296,049** | **760,786** | **5.512,383** |

***Ghi chú****: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kêt luận thẩm định số 229/KLTĐ-SKHCN ngày 04/3/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

**Phu lục II**

**CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CHO NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH MỚI ĐỢT II, NĂM 2022.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1432 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| **TT** | **Tên nhiệm vụ KH&CN** | **Tổ chức**  **chủ trì** | **Thời gian thực hiện** | **Kinh phí** (triệu đồng) | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **SNKH** | **SNKH cấp đợt này** |
|  | Dự án : Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà nhiều cựa đạt tiêu chuẩn VIETGAHP theo chuỗi giá trị kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn tại Thanh Hóa | Công ty TNHH Hân Mạnh | 24 tháng | 6.808,432 | 1.296,049 | 518 |
|  | **Tổng cộng** | | | **6.808,432** | **1.296,049** | **518** |